

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC
NĂM HỌC: 2022 - 2023

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			197	21	10.66	105	53.3	67	34.01	4	2.03	0	0	193	97.97	0	0
1	Khối 8		98	7	7.14	47	47.96	40	40.82	4	4.08	0	0	94	95.92	0	0
1.1	8A	Hoàng Thị Vân	31	7	22.58	19	61.29	5	16.13	0	0	0	0	31	100	0	0
1.2	8B	Vũ Thị Hồng	34	0	0	16	47.06	16	47.06	2	5.88	0	0	32	94.12	0	0
1.3	8C	Trần Thị Hạnh	33	0	0	12	36.36	19	57.58	2	6.06	0	0	31	93.94	0	0
2	Khối 9		99	14	14.14	58	58.59	27	27.27	0	0	0	0	99	100	0	0
2.1	9A	Trần Thị Hà Anh	32	11	34.38	20	62.5	1	3.13	0	0	0	0	32	100	0	0
2.2	9B	Ngô Thị Thanh Hương	33	2	6.06	17	51.52	14	42.42	0	0	0	0	33	100	0	0
2.3	9C	Hà Thị Luận	34	1	2.94	21	61.76	12	35.29	0	0	0	0	34	100	0	0

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

Người lập báo cáo